

Số: 36 /2015/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 03 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM:

**ĐẾN**

Số: 4286

09-12-2015

Ngày:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 774/TTr-SKHCN ngày 14/9/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

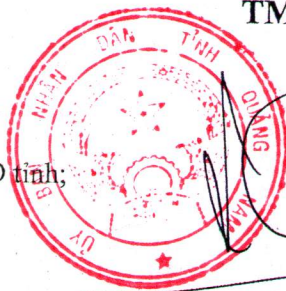
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các Ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ KHCN;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở KH&CN;
- Công TT điện tử tỉnh ;
- Lưu: VT, KTTH, TTCB, VX.

D:\Thanh a 2015\KHCN\QD 270915  
ban hanh Quy dinh dang ky luu giu.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Thu

**QUY ĐỊNH**

**Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2015/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này hướng dẫn thủ tục, trình tự và hình thức:

1. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) đang tiến hành.
2. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
3. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
4. Công bố và cung cấp thông tin về nhiệm vụ KH&CN quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh có liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN; tổ chức đặt hàng, cơ quan phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN.
2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước; tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.
3. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở không sử dụng ngân sách nhà nước.
4. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở; cá nhân thực hiện nhiệm vụ thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở*” là các nhiệm vụ được quy định chi tiết tại Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ và Điều 27, Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và

Công nghệ; các nhiệm vụ KH&CN do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN tài trợ.

2. *Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh* là nhiệm vụ được UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN thực hiện hàng năm, kể cả các nhiệm vụ KH&CN được UBND tỉnh quyết định hỗ trợ.

3. *Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở* là nhiệm vụ được UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, các cơ quan sự nghiệp, các trường Đại học, cao đẳng, doanh nghiệp... quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN thực hiện hàng năm.

4. "*Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành*" là nhiệm vụ KH&CN đang được triển khai thực hiện trong thực tế tính tại thời điểm cung cấp thông tin.

5. "*Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN*" là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, phần mềm, tài liệu đa phương tiện.

6. "*Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN*" là việc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN khai báo và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

7. "*Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN*" là tổ chức được cơ quan phê duyệt nhiệm vụ KH&CN giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

8. "*Nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước*" là nhiệm vụ do tổ chức, cá nhân tự cân đối nguồn kinh phí hoạt động của mình để thực hiện nhiệm vụ, không sử dụng kinh phí của nhà nước.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật nhà nước, an ninh, quốc phòng**

1. Việc thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành; đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN mang nội dung bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, đơn vị quản lý, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có trách nhiệm xác định độ mật, đóng dấu độ mật và phạm vi lưu hành của tài liệu, giao nộp trực tiếp theo chế độ mật về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện thì việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ và thẩm quyền đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:**

1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ, có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở, các nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ.

2. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp cơ sở là các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (được gọi tắt là huyện) có thẩm quyền về lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, các nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ.

**Điều 6. Hình thức và cách thức gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành và thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Nộp về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp cơ sở (sau đây được viết tắt là tổ chức đầu mối thông tin cấp cơ sở).

Tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm gửi thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN cấp cơ sở tài trợ cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp cơ sở, gồm bản giấy và bản điện tử, với số lượng: Mỗi loại Phiếu thông tin 01 bản.

2. Nộp về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh (sau đây được viết tắt là tổ chức đầu mối thông tin cấp tỉnh).

Tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có trách nhiệm gửi thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN các cấp tài trợ cho tổ chức đầu mối cấp tỉnh (*Sở Khoa học và Công nghệ*), gồm: bản giấy và bản điện tử, với số lượng: Mỗi loại Phiếu thông tin 01 bản.

3. Phiếu thông tin bản giấy phải có xác nhận của đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN (đối với thông tin nhiệm vụ đang tiến hành) hoặc phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đối với thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ) và được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

Phiếu thông tin bản điện tử phải lưu giữ theo định dạng Rich text (.rtf) hoặc định dạng Word của Microsoft (.doc hoặc .docx) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Times New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Phiếu thông tin bản điện tử không được đặt mật khẩu.

4. Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành, Phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc danh

mục bí mật nhà nước được giao nộp trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

## **Chương II**

### **THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH**

#### **Điều 7. Thu thập thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Trong thời hạn 25 ngày kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được ký kết, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có trách nhiệm thu thập thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này và gửi về tổ chức đầu mối thông tin KH&CN theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ được đưa vào 01 Phiếu thông tin theo *Mẫu 1* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nội dung sửa đổi, bổ sung được phê duyệt, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Phiếu cập nhật thông tin theo *Mẫu 3* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

#### **Điều 8. Thu thập thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở không sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi được cơ quan quản lý về KH&CN có thẩm quyền thẩm định, được khuyến khích cung cấp thông tin theo *Mẫu 2* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và gửi về tổ chức đầu mối thông tin cấp tỉnh quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm cập nhật thông tin sửa đổi, bổ sung vào Phiếu cập nhật thông tin theo *Mẫu 4* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và gửi về tổ chức đầu mối thông tin cấp tỉnh quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền thẩm định thì thông tin về nhiệm vụ này không được đưa vào Cơ sở dữ liệu KH&CN của tỉnh và của quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước, ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định của Bộ, ngành mình,

còn có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) trước ngày 30/11 hàng năm.

### **Điều 9. Xây dựng, xử lý thông tin và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về KH&CN**

1. Trong thời hạn chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đang tiến hành, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm xử lý thông tin và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về KH&CN của tỉnh theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp tỉnh, cấp cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng, xử lý và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về KH&CN của tỉnh; đồng thời, có trách nhiệm xử lý, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **Chương III**

### **ĐĂNG KÝ VÀ LƯU GIỮ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 10. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý tài trợ phải được đăng ký và lưu giữ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu chính thức, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức đầu mối thông tin cấp cơ sở.

3. Đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

a) Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, trước khi được cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN nghiệm thu chính thức, thực hiện đăng ký kết quả tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, sau khi được nghiệm thu chính thức, thực hiện đăng ký kết quả tại Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức.

**Điều 11. Hồ sơ và thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo *Mẫu 5* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này cho mỗi nhiệm vụ KH&CN;

b) 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (đã hoàn thiện sau khi nghiệm thu chính thức). Bản giấy báo cáo tổng hợp phải đóng bìa cứng, gáy vuông, trên trang bìa lót bên trong phải có xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thành nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức

c) 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ. 01 bản điện tử Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ; bản vẽ; ảnh; tài liệu đa phương tiện (nếu có, bản điện tử); phần mềm (nếu có);.. Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu;

d) 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, văn bản xác nhận về sự thoả thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có), Đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp;

đ) 01 Phiếu mô tả công nghệ theo *Mẫu 8* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này đối với nhiệm vụ KH&CN mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

2. Đối với hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm nộp thêm 01 Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử), Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử) cho cơ quan đăng ký để gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xác định độ bảo mật thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành và thông báo với tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Thời điểm giao, nhận hồ sơ hợp lệ được ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo *Mẫu 9* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ, cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước theo *Mẫu 10* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

6. Hồ sơ và Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có thể được gửi trực tiếp hoặc gửi bảo đảm theo đường bưu chính.

**Điều 12. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký và lưu giữ tại Sở Khoa học và Công nghệ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền công nhận.

2. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm:

a) 01 Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước theo *Mẫu 6* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này cho mỗi nhiệm vụ KH&CN;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các báo cáo, tư liệu liên quan khác (nếu có), gồm bản giấy và bản điện tử. Hình thức bản giấy và bản điện tử được quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 11 Quy định này.

c) 01 văn bản chứng nhận kết quả đã được công nhận của cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đăng ký kết quả có thể được gửi trực tiếp hoặc gửi bảo đảm theo đường bưu chính.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ được quy định tại Khoản 2 của Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước theo *Mẫu 11* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được đưa vào Cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của tỉnh và quốc gia sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền công nhận. Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả được quyền truy cập và sử dụng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của tỉnh, của quốc gia theo quy định.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền công nhận thì thông tin về kết quả của nhiệm vụ này không được đưa vào Cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ của tỉnh, của quốc gia.

**Điều 13. Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước**

1. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm: 01 Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước theo Mẫu 7 tại Phụ lục Quy định này cho mỗi nhiệm vụ KH&CN.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản xác nhận việc đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước, tổng hợp thông tin và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu KH&CN của tỉnh, của quốc gia.

#### **Điều 14. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Tổ chức, cá nhân hoàn thành đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Mỗi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký và không cấp lại.

2. Trường hợp có yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là một trong những cơ sở xác nhận hoàn thành nhiệm vụ KH&CN của các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện và có giá trị là một trong các điều kiện cho các hoạt động sau đây:

a) Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao chủ trì thực hiện;

b) Xác nhận tổ chức, cá nhân chủ trì và tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

c) Xác nhận công trình nghiên cứu trong hồ sơ tham gia xét công nhận đạt chức danh khoa học, phong tặng các danh hiệu thi đua, các giải thưởng về KH&CN;

d) Một trong những căn cứ để phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

#### **Điều 15. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.**

Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp sau:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đúng sự thật;

b) Giả mạo chữ ký và con dấu trong hồ sơ đăng ký có thẩm quyền thu hồi.

#### **Điều 16. Giao nộp và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia**

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm định kỳ cuối tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm tổng hợp và gửi các tài liệu quy định tại Khoản 2, Điều 11 Quy định này về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, cơ quan đăng ký có trách nhiệm định kỳ cuối tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm tổng hợp và gửi các bản điện tử của báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Ngay sau khi nhận được các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo xác nhận bằng văn bản với cơ quan đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 17. Lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký là tài liệu chuyên môn nghiệp vụ có giá trị bảo quản vĩnh viễn, cần thiết cho hoạt động khoa học và công nghệ, được lưu giữ lâu dài và không phải chuyển vào lưu trữ lịch sử theo quy định của Điều 15 Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.

2. Thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tổ chức kho lưu giữ và phục vụ việc khai thác, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **Chương IV**

#### **THU THẬP THÔNG TIN VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 18. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Những loại hình nhiệm vụ KH&CN sau đây phải thực hiện cung cấp thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- a) Đề tài KH&CN;
- b) Đề án khoa học;
- c) Dự án sản xuất thử nghiệm;
- d) Dự án KH&CN.

2. Tùy theo loại hình nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, nội dung thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được trình bày theo *Mẫu 12* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

3. Tính từ ngày nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được nghiệm thu chính thức, định kỳ hàng năm (*trước 30/11 hàng năm*) và trong giai đoạn 5 năm liên tiếp (*trước 30/6 của năm cuối cùng*), tổ chức chủ trì nhiệm vụ

hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Khoản 2 Điều này và gửi về tổ chức đầu mối thông tin cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định tại Điều 5 Quy định này để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ KH&CN.

4. Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm về tính chính xác các nội dung của báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Hình thức và cách thức cung cấp thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

**Điều 19. Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước**

Báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích gửi về các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ các cấp theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

**Điều 20. Báo cáo tổng hợp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh, trên cơ sở phiếu thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở nhận được trong năm, có trách nhiệm xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) và gửi về Cục Thông tin KH&CN quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ. Báo cáo tổng hợp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính và phương thức điện tử về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**Chương V**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 21. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia về khoa học và công nghệ thông tin về các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình và có liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Nội dung thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành được công bố công khai trên trang thông tin điện tử bao gồm: Tên nhiệm vụ; Tổ chức chủ trì

nhiệm vụ; Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ; Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ; Lĩnh vực nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả dự kiến; Thời gian bắt đầu dự kiến và thời gian kết thúc dự kiến.

3. Vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, các tổ chức đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có trách nhiệm gửi Báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành trong năm theo *Mẫu 13* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành cấp tỉnh, cấp cơ sở trên quy mô toàn tỉnh trong năm trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 22. Công bố thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN vào Cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia về khoa học và công nghệ theo phân cấp, tổng hợp và công bố danh mục các nhiệm vụ KH&CN đã hoàn thành trên trang thông tin điện tử của mình và có liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Nội dung thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được công bố công khai trên trang thông tin điện tử bao gồm: Tên nhiệm vụ; Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và người tham gia chính; Mục tiêu của nhiệm vụ; Kết quả thực hiện (tóm tắt); Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc; Kinh phí thực hiện.

3. Vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở có trách nhiệm gửi Báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm theo *Mẫu 14* tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm, công bố danh mục kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam.

### **Điều 23. Công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; tổng

hợp và công bố báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của mình và có liên kết với Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Tổng hợp số liệu về số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng trong năm theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố báo cáo tổng hợp về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp trên quy mô toàn tỉnh trên trang thông tin điện tử của mình và liên kết với Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam.

#### **Điều 24. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước**

Sau khi các tổ chức, cá nhân đã tự nguyện cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thì các nội dung thông tin này sẽ được xử lý và công bố công khai theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 của Quy định này.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 25. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Quy định này bị hạn chế việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời không được đề nghị xét công nhận các chức danh khoa học, phong tặng các danh hiệu thi đua, các giải thưởng về KH&CN của tỉnh.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao nêu tại Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hạn chế quyền truy cập, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về KH&CN của tỉnh và xem xét kiến nghị, đề xuất điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, đơn vị trong kế hoạch hàng năm.

#### **Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này; định kỳ hàng năm, 5 năm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh.

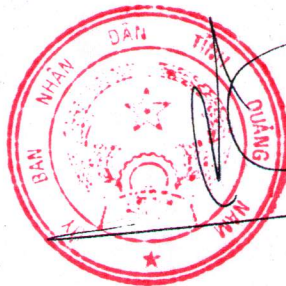
2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ định tổ chức đầu mối thông tin

KH&CN của đơn vị mình và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/12/2015.

3. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện chức năng đầu mối cấp tỉnh, cấp cơ sở và các tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh về UBND tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đình Văn Thu**